

Bản án số: 514/2025/HS-PT

Ngày: 12 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Bích Sơn

2. Ông Trương Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân TPHCM, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 412/TLPT-HS, ngày 13/8/2025 đối với các bị cáo TCX, ĐMD do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, TPHCM (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - TPHCM).

Bị cáo có kháng cáo:

1. TCX, sinh ngày: 31/01/1976, tại TPHCM; giới tính: Nam; nơi thường trú: Số xxx/yyy TP, Phường X, Quận Y, TPHCM (nay là Phường AĐ, TPHCM); chỗ ở hiện nay: Số xxx/yy ÂDL, phường RÔ, Quận X, TPHCM (nay là phường CH, TPHCM); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 00/12; con ông TCQ (đã chết) và bà LTN (đã chết); có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. ĐMD, sinh ngày: 07/11/1989, tại tỉnh BT (nay là tỉnh VL); giới tính: Nam; nơi thường trú: Số xxx HT, xã LH, huyện GT, tỉnh BT (nay là xã LH, tỉnh VL); chỗ ở hiện nay: Số xx/yy BVB, phường TTĐ, Quận X, TPHCM (nay là phường TT, TPHCM); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe (xe ôm công nghệ); trình độ văn hóa: 11/12; con ông ĐML (đã chết) và bà DTTH; bị cáo khai tại phiên tòa: có vợ đã ly hôn và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018 (hiện bị cáo đã kết hôn với bà NTNM); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Bà LTN, sinh năm 2003.

Địa chỉ: xx/yy Đường số XXX, phường PLX, thành phố TĐ, TPHCM (nay là xx/yy Đường số XXX, phường PL, TPHCM); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

PTH không có việc làm ổn định, sống lang thang tại khu vực công viên TĐ, phường BT, Quận X từ năm 2017 đến nay. Do cần tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định xem người dân có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11/12/2024, H đi bộ đến trước nhà vệ sinh công cộng của Công viên TĐ tại địa chỉ số XXX NTMK, phường BT, Quận X, TPHCM thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số xxxx - xxx.xx của bà LTN dựng phía trước, chìa khóa cắm trên xe, không có người trông coi, H nảy sinh ý định chiếm đoạt. H tiếp cận mở khóa và mang xe đến khu vực trước Bưu điện CL, Quận Y tìm người mua xe. H gặp NMP, qua trao đổi, H nói cho P biết xe mô tô biển số xxxx - xxx.xx là tài sản trộm cắp, xe không có giấy tờ, H ra giá 3.000.000 đồng. P không đủ tiền nên gọi rủ TCX, khi trao đổi, P nói cho X biết xe mô tô trên là xe trộm cắp được, X đồng ý. P điều khiển xe mô tô đến giao lộ NT - BHN đón X đến chỗ H xem xe. Sau khi xem xe, X và H thống nhất mua xe với giá 2.300.000 đồng. Do không đủ tiền, X rủ P góp tiền mua xe rồi bán lại chia nhau hưởng lợi, P đồng ý. X góp 2.000.000 đồng, P góp 300.000 đồng, trả bằng tiền mặt cho H. Còn P điều khiển xe mô tô biển số xxxx - xxx.xx đi trước, X điều khiển xe mô tô biển số xxxx - xxx.xx (xe của P) chạy theo sau. Cả hai cùng chạy về nhà P cất giấu xe, thấy để xe ở nhà không an toàn, P nói mang xe qua nhà X cất giữ, X đồng ý.

Đến khoảng 09 giờ 50 phút ngày 13/12/2024, P liên hệ với ĐMD qua ứng dụng Zalo để bán xe mô tô biển số xxxx - xxx.xx. Khi trao đổi với D, P nói xe mô tô do trộm cắp được, còn mới, giá 5.000.000 đồng, D đồng ý mua và hứa cho P 500.000 đồng nếu mua xe thành công. D kêu P thay biển số xe khác trước khi giao xe cho D, P đồng ý. Sau đó P gọi điện báo cho X biết đã tìm được người mua xe mô tô biển số xxxx - xxx.xx với giá 5.000.000 đồng. X đồng ý bán và nói P sang nhà X. Tại nhà X, P tháo biển số xxxx - xxx.xx ra, gắn biển số khác (do P nhặt được, không rõ biển số) vào xe mô tô hiệu Honda Wave RSX. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RSX (đã thay biển số xe), còn X điều khiển xe mô tô biển số xxxx - xxx.xx (xe của P) cùng đi đến hẻm xx đường PH, Phường yy, Quận X để gặp D. D kiểm tra xe, trả 5.000.000 đồng cho X rồi nhận xe rời đi, X chia cho P 1.500.000 đồng, X giữ lại 3.500.000 đồng.

Về đến nhà, P gọi điện cho D nhắc trả thêm 500.000 đồng như đã hứa và xin thêm 200.000 đồng, D đồng ý. D nhờ LTÂ chuyển 700.000 đồng từ tài khoản số xxxxxxxxxxxxxx, tên tài khoản LTA, mở tại Ngân hàng Vietcombank vào tài khoản số xxxxxxxxxxxxxx của P, mở tại Ngân hàng Vietinbank. Số tiền bán xe mô tô, P, X tiêu xài hết.

Sau khi mua xe, D liên hệ với đối tượng K (chưa rõ lai lịch) nhờ tìm người thu mua xe. D nói với K biết xe Wave RSX không giấy tờ, xe trộm cắp mà có, K cho biết giá xe tầm 10.000.000 đồng. D đồng ý bán xe và nhờ K bán giúp. Đến khoảng 10 giờ 35 phút ngày 14/12/2024, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RSX bị chiếm đoạt mua từ P đến khu vực gần cửa khẩu BH, tỉnh LA để bán. Có 02 người đàn ông (không rõ lai lịch) kiểm tra xe, kêu D đợi rồi lấy xe đi về phía Campuchia. Khoảng 30 phút sau, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) quay trở lại đưa cho D 9.000.000 đồng. Trong lúc chờ, D biết xe bán được 9.500.000 đồng, K lấy 500.000 đồng tiền công. Sau khi nhận tiền, D đón xe về nhà. Số tiền 9.000.000 đồng, D tiêu xài cá nhân hết 5.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng giao nộp cho cơ quan Công an. Sau khi phát hiện bị mất xe mô tô, bà LTN trình báo Công an phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, TPHCM đã đưa PTH, NMP, TCX, ĐMD về trụ sở để làm việc.

Theo Kết luận định giá tài sản số 203/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xanh – đen, biển số xxxx - xxx.xx, chưa thu hồi, đã qua sử dụng vào thời điểm định giá ngày 11/12/2024 có giá trị 18.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 96/CT-VKSQ1 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố PTH về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố NMP, TCX, ĐMD về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, TPHCM (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - TPHCM) đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo TCX 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo ĐMD 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo PTH 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; NMP 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2025, các bị cáo TCX và ĐMD kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPHCM phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo TCX và ĐMD về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Xét nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo: Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; sau xét xử sơ thẩm, bị cáo TCX tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại bà LTN số tiền 9.000.000 đồng, bị cáo ĐMD tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại bà LTN số tiền 13.500.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án, số tiền thu lợi không lớn và bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, bị cáo X nộp hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo đang bị bệnh nên áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện hưởng án treo nhưng mức hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo X, D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo TCX, ĐMD không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo TCX, ĐMD đề nghị Hội đồng xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo để cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng khu vực 1, TPHCM; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo TCX, ĐMD trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[3] Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo TCX, ĐMD cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo TCX, ĐMD biết xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh - đen, biển số xxxx - xxx.xx là tài sản do PTH trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi các bị cáo vẫn mua lại bán kiếm lời. Bị cáo X hưởng lợi 1.500.000 đồng và bị cáo D hưởng lợi 3.300.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo TCX, ĐMD về tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý gián tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Xét nội dung kháng cáo và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo TCX 09 tháng tù, bị cáo ĐMD 01 năm tù về cùng tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngoài các tình tiết giảm nhẹ như cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo thì bị cáo TCX còn là lao động chính, đang phải điều trị bệnh HIV dẫn tới nhiễm trùng, ký sinh trùng, lao phổi, bản thân là người Hoa không biết chữ nên nhận thức về pháp luật hạn chế; đối với bị cáo ĐMD có hoàn cảnh khó khăn, hiện là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con nhỏ đang đi học và nuôi ông ngoại 90 tuổi; các bị cáo hưởng lợi với số tiền không đáng kể, sau xét xử sơ thẩm mặc dù không phải có nghĩa vụ bồi thường, hoàn cảnh khó khăn nhưng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại của vụ án cho bị hại bà LTN và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo X, D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, thời gian sinh sống tại địa phương chấp hành chính sách pháp luật, không có vi phạm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo X, D đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP như đã phân tích và sửa bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo TCX, ĐMD không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, TPHCM (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - TPHCM) đối với các bị cáo TCX, ĐMD như sau:

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo TCX 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Giao bị cáo TCX cho Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng, TPHCM, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo ĐMD 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Giao bị cáo ĐMD cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận, TPHCM, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo TCX, ĐMD cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các bị cáo TCX, ĐMD không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (2)
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- Tòa án nhân dân KV1; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân KV1; (1)
- Phòng Thi hành án dân sự KV1; (1)
- Bị cáo; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (22). (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Châu